

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2018/HS-ST
Ngày 07-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Lê Phú Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trịnh Tiến D, sinh năm 1995 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 103, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; con ông Trịnh Đình T, sinh năm 1970 và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1970; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 10/5/2017, Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính 3.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; bị bắt tạm giam ngày 12/3/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Đình A, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 5, xã C, huyện Cẩm T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 38, khu phố C, phường Tân Đông H, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn T, sinh năm 1975; thường trú: Xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh H; tạm trú: Tổ 38, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn S, sinh năm 1995; thường trú: Thôn 8, xã X, huyện T, tỉnh T; tạm trú: Tổ 38, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Bá L, sinh năm 1993; thường trú: Thôn 4, xã C, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt.

3. Anh Hoàng Cao M, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh T; chỗ ở: 1B/2 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

4. Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1993; thường trú: Thôn 103, xã C, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 10/3/2018, anh Lê Văn S đến phòng trọ số 16, dãy nhà trọ không số, tổ 38, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B của anh Lê Đình A gửi xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39 mượn của anh Dương Văn T. Lúc này, trong phòng trọ có anh Lê Đình A, Phạm Bá L, T (không rõ nhân thân, lai lịch) và Trịnh Tiến D. Sau khi gửi xe, anh S và anh L về phòng ngủ. Đến khoảng 05 giờ ngày 11/3/2018, khi anh Lê Đình A và anh T đang ngủ, Trịnh Tiến D thấy xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39 không khóa cổ nên dẫn xe ra khỏi phòng trọ rồi móc ổ khóa, khóa ngoài cửa phòng trọ anh Lê Đình A. Sau đó, D dẫn xe đến tiệm internet và nhờ người ở tiệm internet (không rõ lai lịch) đấu dây điện để nổ máy. Sau khi nổ máy xe, D điều khiển xe mô tô đến tiệm sửa xe H tại địa chỉ 1B/2 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B gặp anh Hoàng Cao M và nhờ thay ổ khóa xe nhưng chưa thay được. Khoảng 07 giờ ngày 11/3/2018, anh Lê Đình A và T phát hiện xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39 bị mất nên báo cho anh T và anh S biết toàn bộ vụ việc. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/3/2018, chị Trịnh Thị D gọi điện cho D nói là anh T đã báo Công an việc D lấy xe. D gọi điện cho anh T yêu cầu anh T phải đưa 2.000.000 đồng thì mới trả lại xe. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, D đến ngã tư 550, phường B, thị xã T, tỉnh B lấy tiền thì bị anh T cùng người dân bắt giữ giao cho Công an phường B, thị xã T, tỉnh B xử lý.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39.

Theo bản kết luận định giá số 39/BB.ĐG ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39, số khung 4611D0301491, số máy AEP 2203529 của anh Dương Văn T có giá trị 11.000.000 đồng.

Về hành vi cưỡng đoạt tài sản 2.000.000đ của Trịnh Tiến D đối với anh Dương Văn T thực hiện tại thị xã T, tỉnh B. Công an thị xã D, tỉnh B đã thông báo cho Công an thị xã T xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 39/BB.ĐG ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An nêu trên.

Tại cáo trạng số 138/CT - VKS ngày 09 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trịnh Tiến D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Trịnh Tiến D mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39, số khung 4611D0301491, số máy AEP 2203529, giá trị 11.000.000đ là tài sản sở hữu hợp pháp của anh Dương Văn T, Cơ quan điều tra công an thị xã Dĩ An đã trả lại tài sản trên cho anh T. Anh T không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 05 giờ ngày 11/3/2018 tại phòng trọ số 16, dãy nhà trọ không số, tổ 38, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B, Trịnh Tiến D dắt xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39 ra khỏi phòng rồi móc ổ khóa, khóa ngoài cửa phòng trọ anh Lê Đình A. Trịnh Tiến D dẫn xe đến tiệm internet, nhờ người (không rõ lai lịch) đấu dây điện, nổ máy xe, điều khiển xe mô tô đến tiệm sửa xe H tại địa chỉ 1B/2 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B gặp anh Hoàng Cao M thay ổ khóa xe nhưng chưa thay được. Khoảng 07 giờ ngày 11/3/2018, anh Lê Đình A và T phát hiện xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39 bị mất nên báo cho anh T và anh S biết toàn bộ vụ việc. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/3/2018, chị Trịnh Thị D gọi điện cho D nói anh T đã báo Công an. Trịnh Tiến D gọi điện yêu cầu anh T phải đưa 2.000.000 đồng thì mới trả lại xe. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Trịnh Tiến D đến ngã tư 550, phường B, thị xã T, tỉnh B để lấy tiền thì bị anh T cùng người dân bắt giữ.

[3] Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xe mô tô có giá trị 11.000.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu

thành tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 138/CT - VKS ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Trịnh Tiến D thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Tiến D không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về nhân thân: Ngày 10/5/2017, Công an huyện C, tỉnh T xử phạt hành chính 3.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo là người lao động, nghề nghiệp công nhân.

[8] Tại bút lục số 07, Cơ quan công an thị xã D lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú. Tuy nhiên, việc bị cáo đến Công an thị xã D để điều tra không phải là do bị cáo tự nguyện đến trình báo sự việc mà do người bị hại và người dân bắt giữ giao cho Công an phường B, thị xã T, tỉnh B khi bị cáo đến nhận số tiền yêu cầu chuộc xe 2.000.000đ. Do đó, đây không phải là tình tiết đầu thú và bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Suzuki ViVa màu đỏ đen, biển số 59S1-967.39, số khung 4611D0301491, số máy AEP 2203529, giá trị 11.000.000đ đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại Cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Từ phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trịnh Tiến D phải nộp theo quy định tại **khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự**; điểm a, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Tiến D phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2018.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng **khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự**; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Tiến D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC81CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Hiền